

Bản án số: 1284/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18-9-2018

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Nhung

Ông Hà Đức Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về việc “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4006/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Danh Bảo T, sinh năm 1987 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Apt. 211-19 Richwill Road, Hamilton ON, L9C1R8, Canada.

Bị đơn: Ông Bùi Quốc N, sinh năm 1983 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 64/81 K, Phường 2, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2018 và Bản tự khai ngày 16 tháng 8 năm 2018 nguyên đơn bà Lê Danh Bảo T trình bày:

Bà và ông Bùi Quốc N đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 134/2012, Quyền số 01/2011 ngày 17/12/2012 do Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh B cấp. Thời gian đầu bà và ông Bùi Quốc N chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 hai người phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và cách thức nuôi dạy con chung. Năm 2016 bà sang định cư tại Canada, ông Ngân ở lại

Việt Nam, hai bên ít liên lạc với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm không còn. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Quốc N.

Về con chung: Bà và ông Bùi Quốc N có một con chung tên Bùi Ngọc Gia H, sinh ngày 25/5/2013. Trẻ Bùi Ngọc Gia H hiện đang sinh sống cùng với bà nên bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, và tự nguyện không yêu cầu ông Ngân cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà xin được vắng mặt khi tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản tự khai 26/7/2018, ngày 08/8/2018 ông Bùi Quốc N trình bày:

Ông đồng ý ly hôn với bà Lê Danh Bảo T vì hai bên sống xa cách, tình cảm không còn.

Về con chung, có một con chung tên Bùi Ngọc Gia H sinh ngày 25/5/2013 hiện đang sinh sống cùng với bà Lê Danh Bảo T. Ông đồng ý để bà Trần tiếp tục nuôi dưỡng trẻ .

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông xin được vắng mặt khi tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Bà Lê Danh Bảo T và ông Bùi Quốc N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Danh Bảo T và ông Bùi Quốc N.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Danh Bảo T và ông Bùi Quốc N tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận số 134/2012, Quyển số 01/2011 ngày 17/12/2012 do Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh B cấp, nên là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Danh Bảo T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Lê Danh Bảo T xác nhận không còn tình cảm với ông Bùi Quốc N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, về phía ông Bùi Quốc N cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Lê Danh Bảo T. Điều này cho thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của bà Lê Danh Bảo T xin ly hôn với ông Bùi Quốc N là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Bùi Quốc N và bà Lê Danh Bảo T cùng thống nhất giao trẻ Bùi Ngọc Gia H sinh ngày 25/5/2013 cho bà Lê Danh Bảo T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà Trần tự nguyện không yêu cầu ông Bùi Quốc N cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về nợ chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Danh Bảo T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 84, Điều 122, Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Lê Danh Bảo T và ông Bùi Quốc N.

2. Về con chung: Giao trẻ Bùi Ngọc Gia H sinh ngày 25/5/2013 cho bà Lê Danh Bảo T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận bà Lê Danh Bảo T tự nguyện không yêu cầu ông Bùi Quốc N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Khi có căn cứ, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về nợ chung và tài sản chung: Không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Bà Lê Danh Bảo T chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0044920 ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Danh Bảo T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Uyên